

# Sách Daniel - Số Một Trăm Bốn Mười Tám

*Vén màn các bảng tiên tri: Khải tượng của Habakkuk và giấc mơ của Miller*

Jeff Pippenger

2024-03-20

Sự gia tăng của sự hiểu biết được thể hiện qua khải tượng về sông Ulai chính là điều rút cuộc đã được chép trên hai tấm bảng của Ha-ba-cúc.

Đan xen với những lời tiên tri mà họ cho là áp dụng cho thời kỳ tái lâm lần thứ hai là những lời chỉ dẫn được điều chỉnh đặc biệt cho trạng thái bất định và hồi hộp chờ đợi của họ, khích lệ họ kiên nhẫn chờ đợi trong đức tin rằng những điều hiện còn mờ tối đối với sự hiểu biết của họ rồi đúng lúc sẽ được làm sáng tỏ.

Trong số những lời tiên tri ấy có lời trong Ha-ba-cúc 2:1–4: 'Ta sẽ đứng nơi trạm canh của ta, đặt mình trên tháp canh, và canh chừng để xem Ngài sẽ phán gì với ta, và ta sẽ đáp thế nào khi bị quả trách. Và Chúa đáp lời ta, phán rằng: Hãy viết khải tượng, ghi rõ ràng trên các bảng, để ai đọc có thể chạy. Vì khải tượng còn dành cho một kỳ đã định; đến cuối cùng nó sẽ nói ra, không dối trá. Dù chậm trễ, hãy đợi chờ; vì chắc chắn nó sẽ đến, sẽ không trì hoãn. Kia, kẻ kiêu ngạo thì lòng không ngay thẳng; nhưng người công chính sẽ sống bởi đức tin của mình.'

Ngay từ năm 1842, lời chỉ dẫn trong lời tiên tri này, "hãy chép khải tượng và ghi rõ ràng trên các bảng, để người đọc có thể chạy," đã gợi ý cho Charles Fitch chuẩn bị một biểu đồ tiên tri để minh họa các khải tượng của Đa-ni-ên và Khải Huyền. Việc công bố biểu đồ này được xem là sự ứng nghiệm mệnh lệnh do Ha-ba-cúc đưa ra. Tuy nhiên, lúc bấy giờ không ai nhận thấy rằng trong cùng lời tiên tri ấy cũng trình bày một sự chậm trễ bề ngoài trong việc ứng nghiệm khải tượng (một thời kỳ trì hoãn). Sau sự thất vọng, đoạn Kinh Thánh này trở nên rất có ý nghĩa: "Khải tượng còn chờ đến kỳ đã định; nhưng đến cuối cùng nó sẽ nói và không nói dối; dầu nó trì hoãn, hãy đợi nó, vì chắc chắn nó sẽ đến, không chậm trễ.... Người công chính sẽ sống bởi đức tin mình." Cuộc Đại Tranh Chiến, 391, 392.

Hai bảng của Ha-ba-cúc, về mặt tiên tri, là hai nhân chứng. Theo Kinh Thánh, hai nhân chứng phải được đưa lại với nhau để xác lập lẽ thật.

Nhưng nếu người ấy không chịu nghe người, thì hãy đem theo với người một hoặc hai người nữa, để nhờ lời của hai hay ba người làm chứng, mọi lời nói đều được xác nhận. Ma-thi-ơ 8:16.

Khi hai bảng của Habakkuk (các biểu đồ tiên phong năm 1843 và 1850) được đặt chồng lên nhau, chúng khẳng định những chân lý vốn là các “viên ngọc” trong giấc mơ của Miller. Sai lầm của năm 1843, được thể hiện trên bảng thứ nhất, khi được đặt chồng lên bảng thứ hai, thiết lập “thời kỳ trì hoãn” của khải tượng. Miller (người lính canh mang tính biểu tượng của lịch sử ấy) đã hỏi rằng trong cuộc tranh luận xoay quanh lịch sử của mình, ông phải nói gì.

Tôi sẽ đứng nơi vọng gác của mình, lên tháp canh, và chờ xem Ngài sẽ nói gì với tôi, và tôi sẽ đáp thế nào khi bị quả trách. Ha-ba-cúc 2:1.

Chúa đã truyền cho Miller ghi lại khái tượng, và trong giấc mơ, ông đặt chiếc hộp chứa khái tượng lên một cái bàn ở giữa phòng mình.

Đức Giê-hô-va đáp lại ta và phán: Hãy chép khái tượng, ghi cho rõ trên các bảng, hầu cho ai đọc được thì chạy. Ha-ba-cúc 2:2.

Sau đó, các bảng xác định thời gian trì hoãn và sự thất vọng đầu tiên.

Vì khái tượng còn đợi đến kỳ đã định; đến cuối cùng nó sẽ ứng nghiệm, không hề dối trá. Dầu chậm trễ, hãy đợi chờ nó; vì chắc chắn nó sẽ đến, sẽ không trì hoãn. Ha-ba-cúc 2:3.

Sau đó, hai loại, vốn được biểu hiện dựa trên sự gia tăng của tri thức, được trình bày.

Kìa, linh hồn tự cao của người ấy không ngay thẳng trong người ấy; nhưng người công chính sẽ sống bởi đức tin mình. Ha-ba-cúc 2:4.

Hai hạng người thờ phượng sẽ được bày tỏ qua quá trình thử luyện được nói đến trong sách Đa-ni-ên đoạn mười hai.

Ngài phán: Hỡi Đa-ni-ên, hãy đi đường mình; vì những lời này đã được đóng lại và niêm phong cho đến thời kỳ cuối cùng. Nhiều người sẽ được tinh luyện, được làm cho trắng sạch và được thử luyện; nhưng kẻ ác sẽ cứ làm điều ác, chẳng ai trong bọn ác hiểu biết; còn người khôn ngoan thì sẽ hiểu. Đa-ni-ên 12:9, 10.

Những người "khôn ngoan" trong Đa-ni-ên là các trinh nữ khôn ngoan trong Ma-thi-ơ chương hai mươi lăm, những người được xưng công chính bởi đức tin, và kẻ ác là các trinh nữ dại dột, những người tự cao tự đại. Vào cuối giấc mơ của Miller, những viên ngọc tượng trưng cho dầu trong dụ ngôn mười trinh nữ, tức là sứ điệp.

Đức Chúa Trời bị xúc phạm khi chúng ta không tiếp nhận những thông điệp mà Ngài gửi cho chúng ta. Như vậy, chúng ta khước từ dòng dầu vàng mà Ngài muốn đổ vào linh hồn chúng ta để thông truyền đến những người ở trong bóng tối. Khi lời kêu gọi vang lên: "Kìa, chàng rể đến; hãy đi ra đón Ngài," những người chưa nhận lãnh dầu thánh, chưa trân quý ân điển của Đấng Christ trong lòng, sẽ thấy, như các trinh nữ dại, rằng họ không sẵn sàng để gặp Chúa mình. Tự mình, họ không có khả năng để có được dầu, và đời sống của họ bị hủy hoại. Review and Herald, ngày 20 tháng 7, 1897.

Những viên ngọc của Miller trong những ngày cuối cùng sẽ tỏa sáng gấp mười lần, và cả con số mười lần ánh sáng đều là biểu tượng của sự thử thách. Trong những ngày cuối cùng, được minh họa ở đoạn kết giấc mơ của Miller, ánh sáng của lễ thật được thể hiện trên các bảng của Ha-ba-cúc tạo ra một sứ điệp thử thách, mà trong dụ ngôn mười trinh nữ chính là sứ điệp thử thách của Tiếng Kêu Nửa Đêm. Quá trình thử thách ấy là sự lặp lại của quá trình thử thách trong lịch sử của phong trào Millerite, vì dụ ngôn mười trinh nữ được lặp lại đúng từng chữ trong những ngày cuối cùng.

Tôi thường được nhắc đến dụ ngôn mười trinh nữ, trong đó năm người khôn ngoan, và năm người dại. Dụ ngôn này đã và sẽ được ứng nghiệm đúng từng chữ, vì nó có sự áp dụng đặc biệt cho thời kỳ này, và, cũng như sứ điệp của thiên sứ thứ ba, đã được ứng nghiệm và sẽ tiếp tục là lễ thật hiện tại cho đến lúc thời gian chấm dứt. Review and Herald, ngày 19 tháng 8 năm 1890.

Trải nghiệm về thời kỳ tri hoãn sẽ được lặp lại đúng từng chữ vào cuối giấc mơ của Miller, và khi ấy những viên ngọc của ông sẽ tỏa sáng gấp mười lần mặt trời, qua đó xác định rằng các viên ngọc đại diện cho kỳ thử thách cuối cùng trong dụ ngôn mười trinh nữ. Con số mười là biểu tượng của một kỳ thử thách, và vào cuối mười ngày, Đa-ni-ên và ba người bạn trông hồng hào và mập mạp hơn những người ăn khẩu phần của Ba-by-lôn. Những kẻ kiêu ngạo trong sách Ha-ba-cúc, sống bởi sự tự phụ chứ không bởi đức tin, đã mang lấy bản chất của Ba-by-lôn. Trong lịch sử của phong trào Miller, họ trở thành các con gái của Ba-by-lôn, và trong Ha-ba-cúc, chế độ giáo hoàng được dùng để xác định bản chất của họ.

Này, linh hồn kẻ kiêu căng chẳng ngay thẳng trong nó; nhưng người công chính sẽ sống bởi đức tin mình. Lại nữa, vì rượu mà nó phạm tội, nó là kẻ kiêu ngạo, chẳng ở yên tại nhà, nói rộng lòng tham muốn của mình như Âm phủ, và như sự chết, chẳng hề được thỏa mãn; nhưng nhóm góp mọi nước về cho mình, gom hết các dân cho mình: Há chẳng phải hết thấy những kẻ ấy sẽ cất lên lời châm biếm nghịch cùng nó, và câu tục ngữ nhạo báng nó, mà nói rằng: Khốn thay cho kẻ làm tăng thêm điều không thuộc về mình! đến bao giờ? và cho kẻ chất nặng mình bằng bùn dầy! Há chẳng phải những kẻ sẽ cắn người sẽ thành linh chổi dậy sao, và những kẻ sẽ làm rối loạn người sẽ thức dậy sao, và người sẽ là của cướp cho chúng sao? Vì người đã cướp bóc nhiều nước, nên mọi kẻ sống sót trong các dân sẽ cướp bóc người; vì huyết người, và vì sự bạo lực đối với đất, đối với thành, và đối với mọi kẻ ở trong đó. Ha-ba-cúc 2:4-8.

Quá trình thử thách giáng trên các trinh nữ trong Ma-thi-ơ 25 tạo ra một hạng người thờ phượng, những người đã mang lấy bản chất của vua phương bắc (giáo quyền La Mã), cũng chính là quyền lực đã "cướp bóc nhiều dân tộc".

Chúa phán như vậy: Kia, có một dân từ miền bắc đến, và một nước lớn sẽ đẩy lên từ các nơi tận cùng của đất. Chúng nắm chắc cung và giáo; chúng tàn bạo, chẳng chút thương xót; tiếng của chúng gầm thét như biển; chúng cuội ngựa, dàn trận như những người ra trận để đánh người, hỡi con gái Si-ôn. Chúng ta đã nghe tiếng về chúng; tay chúng ta bần rùn; nỗi quặn đau đã chiếm lấy chúng ta, cơn đau như đàn bà đang chuyển dạ. Chớ ra ngoài đồng, cũng chớ đi trên đường; vì gươm của quân thù và nổi kinh hoàng ở khắp mọi phía. Hỡi con gái của dân ta, hãy thắt lưng bằng bao gai, và lăn mình trong tro bụi; hãy để tang như để tang đứa con trai một, than khóc thật cay đắng; vì kẻ tàn phá sẽ thành linh ập đến trên chúng ta. Giê-rê-mi 6:22-26.

Theo Ha-ba-cúc, có hai hạng người: những kẻ được xưng công bình bởi đức tin, và những kẻ đã ăn uống các giáo lý của Ba-by-lôn. Những người trong những ngày sau rốt của giấc mơ của Miller, được mô tả như các trinh nữ, hoặc phát triển tính cách của Đấng Christ, nhờ đó nhận lấy ấn của Đức Chúa Trời; hoặc họ phát triển bản chất của giáo quyền La Mã và nhận lấy dấu của con thú.

Đã đến lúc ánh sáng chân thật chiếu rọi giữa bóng tối đạo đức. Sứ điệp của thiên sứ thứ ba đã được sai đến với thế gian, cảnh báo loài người đừng nhận dấu của con thú hay của hình tượng nó trên trán hoặc trên tay họ. Nhận lấy dấu này có nghĩa là đi đến cùng một quyết định như con thú đã làm và bênh vực cùng những quan điểm ấy, trực tiếp đối nghịch với Lời Đức Chúa Trời. Về tất cả những ai nhận dấu này, Đức Chúa Trời phán: "Kẻ ấy cũng sẽ uống rượu thanh nộ của Đức Chúa Trời, là thứ rượu đã rót không pha vào chén thanh nộ Ngài; và người sẽ bị lừa và diêm sinh hành hạ trước mặt các thiên sứ thánh và trước mặt Chiên Con." Review and Herald,

ngày 13 tháng 7 năm 1897.

Những trinh nữ uống rượu của Ba-by-lôn rốt cuộc sẽ phải uống rượu thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Trong sách Ê-sai, những kẻ say rượu của Ê-phra-im bộc lộ cơn say mù quáng của họ bằng cách đảo lộn mọi sự, và hành động đó được coi là "đất sét của thợ gốm".

Việc đồng nhất "sự thường hằng" như một biểu tượng của Đấng Christ làm đảo lộn lẽ thật về "sự thường hằng", vì "sự thường hằng" là một biểu tượng của Sa-tan. Việc Miller đồng nhất "sự thường hằng" với ngoại giáo được trình bày trực tiếp trên các bảng của Ha-ba-cúc. Khám phá của Miller về đoạn Kinh Thánh trong Tê-sa-lô-ni-ca, nhờ đó ông hiểu rằng chính ngoại giáo đã bị "cất đi" để "người tội ác" ngồi trong đền thờ Đức Chúa Trời được bày tỏ, là lẽ thật chủ yếu được nêu trong II Tê-sa-lô-ni-ca, đoạn hai.

"Tôi đọc tiếp và không thể tìm thấy trường hợp nào khác trong đó nó [the daily] được nhắc đến, ngoài trong Daniel. Sau đó [với sự trợ giúp của một bảng tra cứu], tôi tra những từ đứng liên hệ với nó, 'cất đi,' 'người sẽ cất đi the daily,' 'từ lúc the daily sẽ bị cất đi,' v.v. Tôi đọc tiếp và nghĩ rằng mình sẽ không tìm được ánh sáng nào cho đoạn văn; cuối cùng tôi đến 2 Thessalonians 2:7, 8. 'Vì điều mâu nhiệm của sự gian ác hiện đã hoạt động; chỉ có người hiện đang ngăn trở sẽ còn ngăn trở, cho đến khi người ấy bị dời đi, và bấy giờ kẻ ác kia sẽ được tỏ ra,' v.v. Và khi tôi đến câu ấy, ôi, lẽ thật hiện ra rõ ràng và vinh hiển biết bao! Đó rồi! Đó chính là the daily! Vậy bây giờ, Phao-lô muốn nói gì bởi 'người hiện đang ngăn trở,' hay là người cản trở? Bởi 'con người tội ác' và 'kẻ ác,' người ta muốn nói đến Chủ nghĩa Giáo hoàng. Vậy, điều gì ngăn Chủ nghĩa Giáo hoàng khỏi được bày tỏ? Ấy là Ngoại giáo; vậy thì, 'the daily' hẳn phải có nghĩa là Ngoại giáo." - William Miller, Second Advent Manual, trang 66. Advent Review and Sabbath Herald, January 6, 1853.

Nghĩa của "the daily" trong thư Tê-sa-lô-ni-ca, điều mà Miller đã khám phá, là chân lý trọng yếu của đoạn văn. Khi Phao-lô chỉ rõ những kẻ không yêu mến lẽ thật, và vì thế sẽ nhận lấy sự mê lầm mạnh mẽ, ông hẳn nhiên đang xác định sự căm ghét lẽ thật theo nghĩa chung; nhưng lẽ thật được trực tiếp nhắc đến trong đoạn văn là lẽ thật rằng "the daily" tượng trưng cho La Mã ngoại giáo.

Đền của thân thể là con mắt; vậy nếu mắt người tốt lành, thì cả thân thể người sẽ đầy ánh sáng. Nhưng nếu mắt người xấu, thì cả thân thể người sẽ đầy tối tăm. Vậy, nếu sự sáng ở trong người trở nên tối tăm, thì sự tối tăm ấy lớn là dường nào! Không ai có thể làm tôi hai chủ: vì hoặc sẽ ghét người này mà yêu người kia; hoặc sẽ gắn bó với người này mà khinh dể người kia. Các người không thể phục vụ Đức Chúa Trời và Ma-môn. Ma-thi-ơ 6:22-24.

Chỉ có yêu mến lẽ thật, hoặc ghét lẽ thật. Không có chỗ trung lập. Sự lừa dối mạnh mẽ giáng trên các trinh nữ đại đột trong Ma-thi-ơ 25 dựa trên việc họ khước từ ánh sáng từ các viên ngọc của Miller, vốn đại diện cho kỳ thử thách cuối cùng. Kỳ thử thách cuối cùng của Y-so-ra-ên xưa là thử thách thứ mười, và các viên ngọc của Miller chiếu sáng rực rỡ gấp mười lần trong những ngày sau rốt. Biểu tượng của sự khước từ các viên ngọc của Miller là "the daily", điều mà những kẻ say sưa của Êp-ra-im đã lật ngược trong thế hệ thứ ba của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm. "The daily" là một biểu tượng Sa-tan của ngoại giáo. Những kẻ say sưa ấy đã đưa vào một viên ngọc giả, mà họ mang từ Tin Lành bội đạo, vốn coi "the daily" như một biểu tượng của Đấng Christ.

Sự hiểu biết của Miller về những viên ngọc quý của ông bị giới hạn bởi bối cảnh lịch sử trong đó ông lớn lên. Vì tin chắc rằng Sự Tái Lâm là sự kiện tiên tri kế tiếp, vết thương chí tử của giáo hoàng chế vào năm 1798 chỉ có thể tượng trưng cho vương quốc trần thế thứ tư và cuối cùng trong Đa-ni-ên đoạn hai. Miller cũng bị giới hạn trong sự hiểu biết về “the daily”, vì lời làm chứng của ông là rằng qua sự khai thị ông đã được dẫn dắt đến một phương pháp học tập cụ thể, trong đó ông nói rằng ông dùng Kinh Thánh của mình, Cruden's Concordance và đọc một số tờ báo. Quyết định học theo cách đó đơn giản đã nảy ra trong đầu ông.

Trong mười hai năm tôi theo chủ nghĩa thần giáo, tôi đã đọc hết mọi sách sử tôi có thể tìm được; nhưng bây giờ tôi yêu Kinh Thánh. Kinh Thánh dạy về Đức Chúa Giê-xu! Nhưng vẫn còn không ít phần của Kinh Thánh đối với tôi là tối nghĩa. Vào năm 1818 hoặc 1819, trong khi trò chuyện với một người bạn mà tôi đến thăm, và người ấy đã biết và [nghe] tôi nói khi tôi còn là người theo chủ nghĩa thần giáo, ông ấy hỏi, theo một cách khá đầy ắp ý: “Ông nghĩ gì về đoạn Kinh văn này, và đoạn kia?” ám chỉ những đoạn xưa kia tôi từng phân đối khi còn theo chủ nghĩa thần giáo. Tôi hiểu ý ông ấy và đáp: “Nếu ông cho tôi thời gian, tôi sẽ nói cho ông biết chúng có nghĩa là gì.” “Ông cần bao lâu?” “Tôi không biết, nhưng tôi sẽ nói cho ông biết,” tôi đáp, vì tôi không thể tin rằng Đức Chúa Trời đã ban một sự mặc khải không thể hiểu được. Bây giờ tôi quyết định nghiên cứu Kinh Thánh của mình, tin rằng tôi có thể tìm ra ý chỉ của Đức Thánh Linh. Nhưng vừa khi tôi đã hạ quyết tâm ấy, một ý nghĩ đến với tôi: “Giả sử tôi gặp một đoạn mà tôi không thể hiểu, tôi sẽ làm gì?” Khi ấy một phương pháp nghiên cứu Kinh Thánh này nảy ra trong trí tôi: Tôi sẽ lấy những từ ngữ của các đoạn như thế, lần theo chúng xuyên suốt Kinh Thánh, và theo cách đó tìm ra ý nghĩa của chúng. Tôi có cuốn Cruden's Concordance, mà tôi cho là tốt nhất trên thế giới; vậy nên tôi lấy cuốn ấy và Kinh Thánh của tôi, ngồi xuống bàn làm việc, và không đọc gì khác, ngoại trừ một ít báo, vì tôi đã quyết tâm biết Kinh Thánh của tôi có nghĩa là gì. Apollos Hale, *The Second Advent Manual*, 65.

Những viên ngọc của Miller không chỉ đơn thuần được nhận ra nhờ phương pháp nghiên cứu của ông, mà còn bởi sự mặc khải trực tiếp từ Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời sai thiên sứ của Ngài cảm động lòng của một người nông dân vốn không tin Kinh Thánh, để dẫn ông tìm hiểu các lời tiên tri. Các thiên sứ của Đức Chúa Trời nhiều lần thăm viếng người được chọn ấy, để hướng dẫn tâm trí ông và mở ra cho sự hiểu biết của ông những lời tiên tri xưa nay vẫn tối tăm đối với dân sự của Đức Chúa Trời. Mắt xích đầu tiên của chuỗi lễ thật được ban cho ông, và ông được dẫn dắt tìm kiếm hết mắt xích này đến mắt xích khác, cho đến khi ông ngắm nhìn Lời Đức Chúa Trời với sự kinh ngạc và thán phục. Ông thấy ở đó một chuỗi lễ thật hoàn chỉnh. Lời ấy, mà trước kia ông xem là không được linh hứng, nay mở ra trước mắt ông trong vẻ đẹp và vinh quang của nó. Ông thấy rằng phần này của Kinh Thánh giải thích phần kia; và khi một đoạn nào đó khép kín đối với sự hiểu biết của ông, ông lại tìm thấy ở phần khác của Lời điều giải thích nó. Ông trân trọng Lời thánh của Đức Chúa Trời với niềm vui mừng cùng lòng tôn kính và kính sợ sâu xa nhất. *Early Writings*, 230.

Khi Bà White nói rằng “Đức Chúa Trời sai Thiên sứ của Ngài” đến với Miller, điều đó xác định rằng Gabriel là thiên sứ được sai đến với Miller, vì “Thiên sứ của Ngài” là cách gọi dành cho Gabriel.

Lời của thiên sứ: “Ta là Gáp-ri-ên, kẻ đứng trước mặt Đức Chúa Trời,” cho thấy rằng ông giữ một địa vị cao trọng trong các triều đình trên trời. Khi ông đến với một sứ điệp cho Đa-ni-ên, ông nói: “Chẳng có ai hiệp với ta trong những việc này, ngoại trừ Mi-ca-ên [Đấng Christ], thủ lãnh của các người.” Đa-ni-ên 10:21. Về Gáp-ri-ên, Đấng Cứu Chúa phán trong sách Khải Huyền, rằng “Ngài đã sai thiên sứ của Ngài đến để bày tỏ điều ấy cho đầy tớ Ngài là Giăng.” Khải Huyền 1:1. Khát vọng các thời đại, 99.

Gabriel cùng các thiên sứ khác đã hướng dẫn “tâm trí và” mở “cho sự hiểu biết của ông về các lời tiên tri vốn từ trước đến nay vẫn tối tăm đối với dân của Đức Chúa Trời.” Sứ điệp của ông không chỉ được hình thành qua phương pháp nghiên cứu của ông, mà còn bởi sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Chính phương pháp mà ông sử dụng để nghiên cứu Kinh Thánh đã đến với tâm trí ông. Khi Đức Chúa Trời đem lẽ thật đến với tâm trí chúng ta, đó là một sự mặc khải của Đức Chúa Trời, khác với việc đi đến lẽ thật qua tiến trình phân giải Kinh Thánh một cách đúng đắn. Miller đã làm cả hai, nhưng sự mặc khải của Đức Chúa Trời là một phần trong cách Miller đi đến chỗ hiểu đề tài về “the daily.”

Miller đã không thể nhận ra sự dao động về giống trong sách Daniel chương tám, câu 9 đến 12, vì tất cả những gì ông có chỉ là Kinh Thánh và một bảng tra cứu không hề có bất kỳ thông tin nào liên quan đến các ngôn ngữ Kinh Thánh. Ông đã không thấy được sự khác biệt giữa 'sur' và 'rum', cả hai đều được dịch là "cát bỏ". Ông cũng đã không thấy sự phân biệt giữa 'miqdash' và 'qodesh', cả hai đều được dịch là "đền thánh".

Ông đã không thể thấy được chân lý liên quan đến từ ‘tamid’ xuất hiện một trăm lẻ bốn lần trong Kinh Thánh. Chân lý mà ông đã không thể thấy (và cũng chính là chân lý mà ông đã thấy) là: trong số một trăm lẻ bốn lần từ Hê-bơ-rơ ‘tamid’ được dùng trong Kinh Thánh, thì chỉ riêng trong sách Đa-ni-ên từ Hê-bơ-rơ ‘tamid’ mới được dùng như một danh từ. ‘Tamid’ là từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “liên tục”, và trong sách Đa-ni-ên được dịch là “the daily”.

Chỉ trong sách Đa-ni-ên, từ này được dùng như một danh từ, còn chín mươi chín lần còn lại nó được dùng như một trạng từ. Vì lý do đó, khi các dịch giả của Kinh Thánh King James đối mặt với việc Đa-ni-ên dùng từ này năm lần như một danh từ, trong khi tất cả các tác giả khác của Kinh Thánh dùng từ này chín mươi chín lần như một trạng từ, họ đã bị sức nặng của bằng chứng buộc phải "sửa" cách Đa-ni-ên dùng từ ấy như một danh từ. Để "sửa" Đa-ni-ên, họ đã thêm chữ "sacrifice" vào từ ấy, và như vậy biến một danh từ thành một trạng từ. Và rồi, để sửa các dịch giả, Ellen White đã được cảm hứng ghi lại rằng bà "đã thấy, liên quan đến 'Daily', rằng chữ 'sacrifice' là do sự khôn ngoan của loài người thêm vào và không thuộc về văn bản; và rằng Chúa đã ban cách hiểu đúng về điều đó cho những người đã rao lên lời kêu gọi giờ phán xét."

Miller, theo chính lời chứng của mình, đã tìm cách hiểu “the daily”, điều mà sau cùng ông đã hiểu ra trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca. Nhưng cũng theo lời chứng của ông, khi tìm hiểu ý nghĩa của một từ, ông sẽ xem xét mọi chỗ từ ấy được dùng, và từ đó còn được dùng thêm chín mươi chín lần khác trong Kinh Thánh. Thế nhưng lời chứng của ông về “the daily” là ông không thấy nó ở đâu khác ngoài trong sách Đa-ni-ên, khi ông nói: “Tôi đọc tiếp và không thể tìm thấy trường hợp nào khác mà [the daily] xuất hiện, ngoại trừ trong sách Đa-ni-ên.” Miller được dẫn dắt đến những viên ngọc quý

không chỉ bởi phương pháp nghiên cứu của mình, mà còn bởi sự mặc khải thiêng liêng đã được ban cho ông qua chức vụ của các thiên sứ.

Đó là lý do tại sao sự hiểu biết của ông về “của lễ hằng ngày” là đúng nhưng còn hạn chế. Ông đã không nhận ra rằng trong năm lần “của lễ hằng ngày” được nhắc đến trong sách Đa-ni-ên, thì một trong ba lần “của lễ hằng ngày” bị “cắt đi” lại mang một ý nghĩa khác với hai lần còn lại. Có một lần “của lễ hằng ngày” được dùng với từ tiếng Hê-bơ-rơ ‘rum’, và hai lần kia được dùng với từ tiếng Hê-bơ-rơ ‘sur’. Cả hai từ đều được dịch là “cắt đi”, nhưng ‘rum’ trong Đa-ni-ên đoạn tám, câu mười một, có nghĩa là “nâng lên và tôn cao”, còn trong đoạn mười một, câu ba mươi mốt, và đoạn mười hai, câu mười một, từ ‘sur’ có nghĩa là “loại bỏ”.

Những nhà thần học ăn uống theo chế độ Babylon lập luận rằng dù bạn lấy đi một vật hay bất cứ khi nào bạn nhắc một vật lên, cả hai đều biểu thị một dạng loại bỏ, nên cả hai từ cần được hiểu là có cùng nghĩa. Họ lập luận rằng trong ba lần “điều thường nhật” bị “lấy đi” thì luôn có nghĩa là loại bỏ, và qua đó họ cho rằng Daniel đã cầu thả trong việc lựa chọn từ ngữ. Họ không công khai nói như vậy, nhưng theo hàm ý họ dạy rằng Daniel lẽ ra nên dùng từ ‘sur’ trong cả ba trường hợp, vì theo các nhà thần học, ông được cho là đã muốn nói cùng một điều mỗi lần “điều thường nhật” bị “lấy đi.”

Họ làm điều tương tự với các từ 'miqdash' và 'qodesh', vốn đều được dịch là “thánh điện”, trong các câu mười một đến mười bốn của chương tám. Trong mỗi lần nhắc đến “thánh điện” trong bốn câu ấy, họ khẳng định rằng tất cả đều nói về thánh điện của Đức Chúa Trời. Theo suy luận đó một lần nữa, Daniel lẽ ra chỉ nên dùng 'qodesh' trong cả ba chỗ, và không dùng 'miqdash' ở câu mười một. Miller đã không nhận ra sự khác biệt giữa những từ đó, nhưng các nhà thần học hiện đại thì có, và khi họ làm vậy, họ lại khẳng định rằng không nên thừa nhận bất kỳ sự khác biệt nào. Thế nhưng Miller, người không nhận ra sự khác biệt giữa các từ ấy, lại đi đến một cách hiểu trái ngược với các nhà thần học hiện đại.

Thực tế là Đa-ni-ên là một người viết cẩn trọng, thông thạo tiếng Hê-bơ-rơ và được đánh giá là khôn ngoan gấp mười lần tất cả các nhà thông thái khác của Ba-by-lôn. Nếu có ai biết cách dùng tiếng Hê-bơ-rơ cho đúng, và biết nó phải được trình bày chính xác như thế nào trong bối cảnh lịch sử đó, thì chính là Đa-ni-ên. Nếu Đa-ni-ên dùng những từ khác nhau, thì là vì chúng nhằm truyền đạt những ý nghĩa khác nhau, điều mà ông cố ý muốn thể hiện. Khi việc Đa-ni-ên sử dụng một cách phân biệt các từ được dịch là "sanctuary" hoặc "take away" được thừa nhận, điều đó cũng có cách hiểu của Miller về "the daily", mà Miller đã nhận ra ngay trong chính đoạn văn nơi Phao-lô xác định rằng những kẻ ghét lẽ thật bị định sẽ nhận lấy sự lừa dối mạnh mẽ.

Những kẻ ghét lẽ thật và tin vào lời nói dối dẫn đến sự mê lầm mạnh mẽ cũng được tượng trưng như những kẻ say sưa của Êpraim, được phân thành hai hạng người. Một hạng là tầng lớp lãnh đạo có học thức, còn hạng kia là những người thiếu học chỉ nghe những gì giới có học dạy họ. Họ là những kẻ ẩn mình dưới sự dối trá và lập giao ước với sự chết. Họ là những trinh nữ đại trong Ma-thi-ơ 25, và những kẻ có linh hồn kiêu ngạo trong Ha-ba-cúc 2. Họ là những kẻ khước từ các lẽ thật nền tảng của giấc mơ của Miller, vốn chiếu sáng rực rỡ gấp mười lần vào thời cuối cùng (tượng trưng cho kỳ thử thách thứ mười và sau cùng của Y-sơ-ra-ên hiện đại), như được kiểu mẫu

bởi kỳ thử thách thứ mười và sau cùng của Y-sơ-ra-ên cổ đại.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu này trong bài viết tiếp theo.

Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: Dân này sẽ chọc giận Ta cho đến bao giờ? Và đến bao giờ họ mới tin Ta, mặc cho mọi dấu kỳ Ta đã tỏ ra giữa họ? Ta sẽ đánh phạt chúng bằng ôn dịch, và tước bỏ cơ nghiệp của chúng, rồi từ người Ta sẽ lập nên một dân lớn hơn và mạnh hơn họ. Môi-se thưa cùng Đức Giê-hô-va: Bấy giờ người Ai Cập sẽ nghe điều đó (vì bởi quyền năng của Ngài, Ngài đã đem dân này ra khỏi giữa họ), và họ sẽ thuật lại điều ấy cho dân cư của xứ này; vì họ đã nghe rằng Ngài, Đức Giê-hô-va, ở giữa dân này, rằng Ngài, Đức Giê-hô-va, đã hiện ra mặt đối mặt, mây của Ngài dừng lại trên họ, và Ngài đi trước họ: ban ngày trong trụ mây, ban đêm trong trụ lửa. Vậy nếu Ngài giết cả dân này như một người, thì các nước đã nghe danh Ngài sẽ nói rằng: Bởi vì Đức Giê-hô-va không thể đem dân này vào xứ mà Ngài đã thề ban cho họ, nên Ngài đã diệt họ trong đồng vắng.

Vậy bây giờ, con nài xin Ngài: nguyện quyền năng của Chúa tôi được tỏ ra lớn lao, theo như Ngài đã phán rằng: Đức Giê-hô-va chậm nóng giận và dư dật lòng thương xót, tha thứ sự gian ác và sự vi phạm, nhưng quyết chẳng coi kẻ có tội là vô tội, đòi sự gian ác của tổ phụ trên con cháu đến đời thứ ba và thứ tư. Xin, con nài xin Ngài, tha thứ sự gian ác của dân này theo sự lớn lao của lòng thương xót Ngài, và như Ngài đã tha thứ cho dân này, từ Ai Cập cho đến nay. Đức Giê-hô-va phán: Ta đã tha thứ theo lời người; nhưng quả thật, như Ta hằng sống, khắp đất sẽ đầy dẫy vinh quang của Đức Giê-hô-va. Bởi vì hết thảy những người đã thấy vinh quang Ta và những phép lạ Ta đã làm tại Ai Cập và trong đồng vắng, mà nay đã thử Ta đến mười lần, và chẳng nghe theo tiếng Ta, thì chắc chắn chúng sẽ chẳng thấy xứ mà Ta đã thề ban cho tổ phụ chúng; cũng chẳng ai trong những kẻ đã chọc giận Ta được thấy xứ ấy. Nhưng tôi tớ Ta là Ca-lép, bởi người có một tâm thần khác và đã hết lòng theo Ta, Ta sẽ đem người vào xứ mà người đã đi đến; và dòng dõi người sẽ chiếm hữu nó. Dân Số Ký 14:11-24.